VITRAC

HITACHI

Reliable solutions

Dòng ZAXIS-5G

ZAXIS330

MÁY XÚC THỦY LỰC

Mã Máy : ZX330-5G / ZX330LC-5G / ZX350H-5G / ZX350LCH-5G
ZX350K-5G / ZX350LCK-5G

Công Suất Định Mức của Động Cơ : 184 kW (246 HP)

Trọng Lượng Vận Hành : ZX330-5G : 31.500 kg / ZX330LC-5G : 32.100 kg
ZX350H-5G : 33.500 kg / ZX350LCH-5G : 34.100 kg
ZX350K-5G : 34.100 kg / ZX350LCK-5G : 34.700 kg

Gầu Xúc Máy Đào Lùi : Dung Tích Đầy Gầu Theo Tiêu Chuẩn ISO : 1,15 - 1,62 m^3

ZAXIS *Empower your Vision.*

Máy ZAXIS đảm bảo chất lượng - công nghệ thủy lực đứng đầu ngành, và hiệu suất bất khả chiến bại. ZAXIS mới cung cấp các giải pháp đáng tin cậy: tiết kiệm nhiên liệu đến kinh ngạc, di chuyển về phía trước nhanh nhẹn, và vận hành dễ dàng. Quý vị cũng có thể thấy năng lực và chuyên môn công nghệ của Hitachi, như hệ thống và động cơ thủy lực được tối ưu hóa.

ZAXIS mới bao gồm các lợi ích chính như chất lượng cao, tiêu thụ nhiên liệu thấp, và độ bền cao, tất cả đều góp phần đảm bảo chi phí chạy máy thấp.

ZAXIS mới, được tạo nên bởi sự tiến hóa toàn diện, sẽ hiện thực hóa tầm nhìn và ước mơ của khách hàng, và mở đường cho tương lai rực rỡ của quý vị.

Những Lợi Ích Quan Trọng Để Có Được Chi Phí Vận Hành Thấp

Năng Suất Hơn, Tiết Kiệm Nhiên Liệu Hơn

Trang 4-5

· Giảm 5% lượng nhiên liệu tiêu thụ
· Giảm nhiên liệu nhiều hơn ở chế độ ECO
· Di chuyển nhanh nhẹn với hệ thống thủy lực HIOS III
· Hoạt động nâng mạnh mẽ
· Mô men xoắn tăng cường
· Tăng cường công suất nâng cao

Tạo Sự Thoải Mái Nhất cho Người Vận Hành

Trang 8-9

· Môi trường vận hành thoải mái
· Ghế ngồi của người vận hành được thiết kế thoải mái
· Buồng lái vững chắc
· Màn hình đa chức năng mới, dễ sử dụng

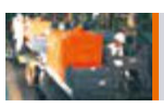

Luôn Hướng Tới Hiệu Quả và Độ Bền

Trang 6-7

· Quy trình Nghiên Cứu & Phát Triển (R&D) và kiểm soát chất lượng danh giá
· Động cơ bền vững, đáng tin cậy
· Cấu kiện liên kết mặt trước rắn chắc, bền bỉ
· Gầm xe được gia cố chắn chắn
· Cấu trúc phần thân trên đã được thử thách

Bảo Dưỡng Đơn Giản

Trang 10-11

· Lưới bên trong chống bụi
· Điểm kiểm tra từ xa theo nhóm ·
Phần thân vững chắc, đẹp mắt · Chi phí vòng đời thấp

Giải Pháp Tin Cậy, Nhiều Tùy Chọn

Trang 12-13

· Công việc đa dạng, tùy chọn đa dạng ·
Các tùy chọn được khuyến nghị

Chuỗi Hỗ Trợ Hitachi

Trang 14-15

· Quản lý đội xe từ xa với Dịch Vụ Điện Tử Toàn Cầu
· Phụ tùng và bảo trì

Nhiều Phiên Bản

Trang 16-17

· Phiên bản hạng nặng: Dòng H
· Phiên bản phá dỡ: Dòng K

Lưu ý: Các ảnh trong tập sách này cho thấy hình ảnh máy xúc với các thiết bị tùy chọn như camera chiếu hậu.

Năng Suất Hơn, Tiết Kiệm Nhiên Liệu Hơn

Giảm 5% Lượng Nhiên Liệu Tiêu Thụ

ZAXIS mới là chiếc máy xúc tiết kiệm nhiên liệu có thể giảm 5% mức tiêu thụ nhiên liệu*, so với dòng ZX330-3/ZX330-3F truyền thống, nhờ vào hệ thống thủy lực HIOS III và hệ thống điều khiển động cơ, nhờ đó giảm phát thải CO_2.

*3%, so với ZX330/ZX330-3G.

Giảm Nhiên Liệu Nhiều Hơn ở chế độ ECO

Chế độ ECO, một chế độ tiết kiệm mới, có thể giảm mức tiêu thụ nhiên liệu nhiều hơn nữa tới 9% so với chế độ PWR, mà không mất tốc độ đào bằng cách tạo phù hợp tối ưu các hoạt động.

Di Chuyển Nhanh Nhẹn với Hệ Thống Thủy Lực HIOS III

Tốc độ vận hành tăng mà tiêu thụ ít nhiên liệu hơn nhờ hệ thống thủy lực HIOS III, được phát triển bằng các công nghệ thủy lực đứng đầu ngành và kinh nghiệm dồi dào. Bộ dẫn động hoạt động nhanh chóng theo trọng lượng cần trục, mà không cần mạch tái tạo và dầu áp suất.

*Con Người & Hệ Thống Vận Hành Thông Minh

Rút Về Tay Cần Nhanh Chóng

Tốc độ rút về tay cần gia tăng nhờ lưu lượng kết hợp từ xi lanh tay cần và cần trục thông qua các van tái tạo cho hoạt động xúc năng suất cao.

Tốc Độ Tay Cần Nhanh Trong Lúc Hạ Cần Chính

Tốc độ tay cần gia tăng theo trọng lực cần trục trong lúc hạ cần trục, mà không cần dầu áp suất từ bơm chính. Tức là, lưu lượng mạch tay cần được gia tăng để tốc độ tay cần cao hơn, cho phép tải nhanh lên xe tải tự đổ và định vị phía trước.

Chế Độ Nâng Mạnh Mẽ

Chế Độ Nâng Tự Động, tự động tăng lực nâng lên 10% khi cần thiết, cho phép lực nâng mạnh mẽ đối với các ống bê tông hoặc các tấm thép.

Mô Men Xoắn Tăng Cường

Giúp gầu xúc cắt tường một cách mạnh mẽ, và giúp hoạt động xoay trơn tru trên dốc.

Tăng Cường Công Suất

Chế độ Tăng Cường Công Suất cho phép người vận hành gia tăng thêm 10% lực đào mang lại hoạt động đào mạnh mẽ bằng cách nhấn nút trên cần điều khiển.

Luôn Hướng Tới Hiệu Quả và Độ Bền

Quy trình Nghiên Cứu & Phát Triển (R&D) và Kiểm Soát Chất Lượng Danh Giá

Hitachi đã giành được sự khen ngợi khắp thế giới vì năng lực kỹ thuật và hiệu suất sản phẩm.
Bộ Phận R&D có thành tích tốt - bao gồm thiết kế xuất sắc, chuyên môn phân tích áp lực sử dụng hệ thống CAE, và cơ sở dữ liệu sản xuất dồi dào. Hơn nữa, trường kiểm tra độ bền quy mô lớn (427 hm²) cho phép thực hiện một loạt kiểm tra nghiêm ngặt trước khi thấy nhiều trong chính
Bộ Phận Sản Xuất phấn đấu để tự động hóa các quy trình sản xuất, bao gồm hàn robot, gia công cơ khí, sơn, lắp đặt và vận chuyển.

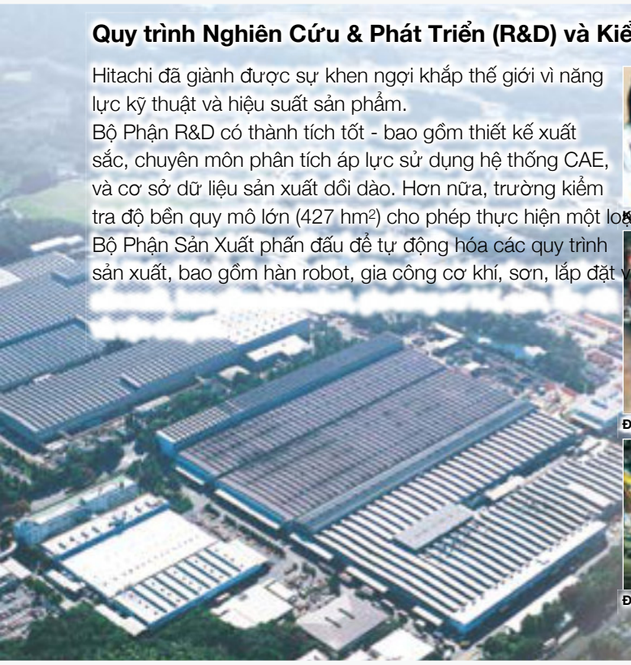

Kỹ thuật viên nghiên cứu

Kỹ thuật viên kiểm tra

Đường lắp ráp máy xúc kích cỡ vừa

Đường hàn khung chính

Thử nghiệm mô phỏng từ ghế ngồi của người vận hành

Động Cơ Bền Bỉ, Đáng Tin Cậy

Động cơ thể hiện độ bền đáng kinh ngạc tại vô số địa điểm thi công dành cho công việc nặng trên khắp thế giới.
Động cơ — kết hợp với thiết kế bền bỉ, hệ thống phun nhiên liệu trực tiếp và một bộ khống chế vượt tốc tinh vi — thân thiện với môi trường, và tuân thủ theo các quy định khí thải EU II và US EPA 2.

Hệ thống làm mát sẽ giữ cho động cơ luôn mát. Tấm che động cơ có khu vực hút khí rộng hơn, và các bộ tản nhiệt được sắp xếp song song để làm mát hiệu quả. Sự sắp xếp song song này cũng tạo điều kiện cho việc vệ sinh.

Hệ thống làm mát và bộ tăng áp có công suất lớn tạo công suất lên tới 184 kW (246 HP) cho năng suất cao hơn trong lịch trình công việc ngắn hơn.

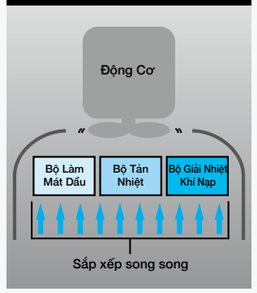

Bộ Công Tắc Rắn Chắc, Bền Bỉ

Phần đỉnh và chân của cần trục được gia cố bằng khung thép chịu bền cao, tích hợp bạc thép để cải thiện độ bền. Các xi lanh tay cần và xi lanh cần (đầu mở rộng thanh sắt) giúp giảm chấn ở các đầu khoảng chạy để cắt bớt tiếng ồn và kéo dài tuổi thọ phục vụ.

Các chốt nối ở cấu kiện liên kết mặt trước được lắp chặt để giảm xóc nảy và tiếng ồn. Khớp nối tay cần-gầu xúc được bảo vệ bằng lớp sơn phun nhiệt WC trên bề mặt tiếp xúc để giảm hao mòn và xóc nảy. Bạc HN loại mới, được sử dụng trên các chốt nối, giữ dầu bên trong mang lại các khoảng thời gian cần bôi dầu lâu hơn. Căn nhựa resin được gia cố, gắn trên chốt gầu xúc, giúp giảm tiếng ồn hao mòn.

Gầm Xe Được Gia Cố Chắc Chắn

Khung chữ X được làm nguyên khối với ít mối hàn hơn để có độ cứng và độ bền cao hơn.
Các bộ tăng xích giúp giảm tác động lên dây xích. Bánh dẫn hướng và các xi lanh tăng xích được tích hợp để tăng độ bền.
Các giá giữ bánh dẫn hướng và giá giữ mô tơ di chuyển được làm dày để tăng độ bền.

Kết Cấu Phần Thân Trên Đã Được Thử Thách

Khung kết cấu phần thân trên được gia cố bằng phần thân dưới chữ D đã được thử thách để tăng độ cứng chống hư hại do các chướng ngại vật gây nên.
Chốt cài cửa lớn được bổ sung để giảm sóc và xóc nảy buồng lái và kết cấu thân trên.

Ống lót ổ trục HN

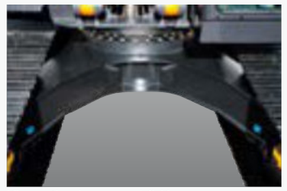

Khung thanh ngang chữ X

Bộ điều chỉnh bánh xích

Tấm đẩy nhựa resin được gia cố

Sơn phun nhiệt WC

Chân cần trục

Tạo Sự Thoải Mái Nhất cho Người Vận Hành

Môi Trường Vận Hành Thoải Mái

Quý vị sẽ cảm thấy thoải mái và thuận tiện, với nhiều không gian để chân và tầm nhìn rõ khi vận hành. Bảng điều khiển nhỏ gọn mới đem lại nhiều không gian để chân hơn. Trụ đỡ cửa mới được dịch chuyển về sau 70 mm để mở rộng không gian lối vào để dễ ra vào hơn. Đèn LED mới cho buồng lái, liên động với cửa, đèn bật lên khi cửa mở. Cửa sổ trước có thể dễ dàng di chuyển và cất phía trên bằng cách sử dụng thanh trượt. Cửa sổ trên đầu có thể mở để gió. Các cửa gió điều hòa được bố trí đầy đủ ở vị trí thuận tiện để lưu thông không khí đồng đều trong buồng lái. Bảng điều khiển và cần điều khiển được sắp xếp cho người vận hành dễ dàng với tới. Đài radio AM/FM và cổng AUX (tùy chọn) cho trình chơi nhạc di động có sẵn cho một ngày làm việc dài bớt mệt mỏi hơn. Tất cả các thiết kế này tập trung vào sự thoải mái của người vận hành.

Ghế Ngồi Dành Cho Người Vận Hành Được Thiết Kế Thoải Mái

Ghế vải sang trọng được trang bị tựa đầu và tựa tay tạo sự thoải mái cho người vận hành. Có thể điều chỉnh ghế ngồi theo nhiều cách, trượt và ngả, để phù hợp với kích thước và sở thích của người vận hành. Ghế ngồi có thể trượt về phía sau thêm 40 mm để thêm không gian để chân. Có tùy chọn thêm hệ thống treo khí với một miếng đệm nhiệt.

Buồng Lái Vững Chắc

Buồng lái vững chắc, đáp ứng OPG (Bảo Vệ Phần Trên Cấp 1), bảo vệ người vận hành khỏi các vật rơi xuống. Cần khóa thủy lực cho phép động cơ chỉ khởi động khi cần cần khóa thủy lực ở vị trí khóa.

Bảng điều khiển

Không gian để đồ lớn

Màn Hình Đa Chức Năng Mới, Dễ Sử Dụng

Hệ thống giám sát đa ngôn ngữ, đa chức năng mới bao gồm một màn hình màu 7 inch có độ phân giải cao, và một bộ điều khiển đa chức năng. Màn hình cho phép người vận hành kiểm tra nhiều thông số vận hành khác nhau: nhiệt độ dầu thủy lực, mức nhiên liệu, chế độ làm việc, điều hòa không khí tự động, đài radio AM/FM, màn hình camera chiếu hậu (tùy chọn), hỗ trợ bảo dưỡng, và điều chỉnh lưu lượng và công tắc. Các mục menu có thể được chọn và điều chỉnh bằng bộ điều khiển đa chức năng trên bảng điều khiển. Màn hình camera chiếu hậu mới luôn luôn hiển thị góc nhìn sau máy.

Các Mục Menu

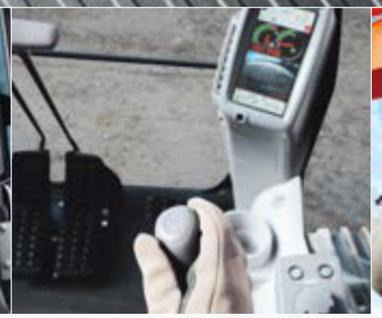

Bảo Dưỡng Đơn Giản

Lưới Chống Bụi

Lưới chống bụi, được lắp ở phía trước bộ tản nhiệt, có thể dễ dàng tháo ra và làm sạch bằng khí nén. Ở phía sau bộ tản nhiệt, có thể thực hiện thổi khí thông qua nắp mở một chạm. Bộ ngưng tụ không khí có thể mở ra được để dễ dàng làm sạch ở phía sau.

Phần Thân Vững Chắc, Đẹp Mắt

Đỉnh khung bên của gầm xe được thiết kế dốc để dễ dàng cho đất đá trượt đi. Các cổng bôi trơn bộ điều chỉnh bánh xích được định vị lại để bôi trơn dễ dàng hơn và được bảo vệ tốt khỏi bị đọng lại đất đá.

Các Điểm Kiểm Tra Từ Xa Theo Nhóm

Các vị trí bảo dưỡng được tập trung bên trong nắp bên trái và bên phải, có thể dễ dàng tiếp cận từ mặt đất để bảo dưỡng và kiểm tra thuận tiện, bao gồm thoát nước từ bình nhiên liệu, bổ sung chất làm mát và thay thế bộ lọc. Bình nhiên liệu được sơn lớp chống ăn mòn ở bên trong và có cổng làm sạch lớn ở phía dưới đáy. Những thiết kế thông minh này có hiệu quả giữ nhiên liệu sạch và dễ dàng bảo dưỡng. Tay vịn được cung cấp tại các vị trí thuận tiện để dễ dàng ngồi lên phần thân trên. Có đặt nhiều tấm chống trượt để bảo dưỡng an toàn.

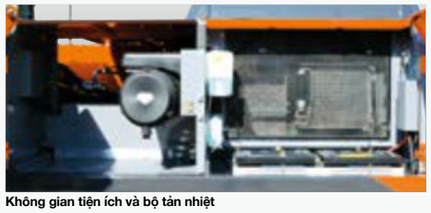

Các bộ lọc và điểm kiểm tra từ xa theo nhóm Không gian tiện ích và bộ tản nhiệt

Vòi thoát nước bình nhiên liệu

Chi Phí Vòng Đời Thấp

Khoảng thời gian bảo dưỡng đủ dài để cắt giảm chi phí bảo dưỡng.

Mỡ bôi trơn | Vật tư tiêu hao

Lưu ý: Bắt buộc phải kiểm tra định kỳ để kiểm tra nhiễm bẩn dầu và những điều tương tự.

Giải Pháp Tin Cậy, Nhiều Tùy Chọn

Bộ Công Tắc Dễ Sử Dụng

Người vận hành có thể thay đổi các van, điều chỉnh lưu lượng mạch bổ sung và kiểm tra cài đặt từ màn hình đa chức năng bên cạnh ghế ngồi của người vận hành. Hơn nữa, 11 công việc, bao gồm cài lưu lượng thủy lực dòng, có thể dễ dàng được chọn theo tên đã xác định sẵn.

Búa Thủy Lực Dễ Dàng Vận Hành

Khi sử dụng búa thủy lực yêu cầu thay dầu thủy lực và bộ lọc thường xuyên, đồng hồ đo phụ trên màn hình đa chức năng sẽ hiển thị giờ hoạt động của búa thủy lực gợi ý thời gian đủ để thay dầu và bộ lọc. Cảnh Báo Búa Thủy Lực (tùy chọn) hiển thị dấu cảnh báo trên màn hình điều khiển và phát ra âm thanh khi búa thủy lực hoạt động liên tục đã hơn một phút.

Nhiều Công Việc, Nhiều Tùy Chọn

Chắn bảo vệ thấp phía trước buồng lái để bảo vệ khỏi các mảnh vỡ trong quá trình phá dỡ và vận hành búa thủy lực. Bộ lọc hiệu suất cao và bộ lọc nội tuyến có sẵn tại các địa điểm dành cho công việc nặng.

Cài đặt máy đập

Đồng hồ đo giờ của máy đập

Tùy Chọn Được Đề Xuất

Hệ ống đường búa

Chắn bảo vệ thấp phía trước buồng lái

Bơm điện nạp nhiên liệu

Lọc gió sơ cấp

Các đèn phụ phía trước trên nóc buồng lái

Camera chiếu hậu

Chuỗi Hỗ Trợ Hitachi

SUPPORT CHAIN

Chuỗi Hỗ Trợ Hitachi là một hệ thống hỗ trợ khách hàng đầy đủ được cung cấp sau khi mua máy Hitachi.

Quản Lý Đội Xe Từ Xa với Dịch Vụ Điện Tử Toàn Cầu

Truy Cập Dễ Dàng Với Các Máy Tại Công Trường Thông Qua Internet

Hệ thống quản lý đội xe trực tuyến này cho phép quý vị truy cập từng máy tại công trường từ máy tính trong văn phòng trong văn phòng của mình. Quý vị có thể lấy thông tin và vị trí hoạt động của máy để tăng năng suất của đội xe và giảm thời gian chết của máy móc. Dữ liệu và nhật ký vận hành được gửi đến máy chủ của Hitachi để xử lý, sau đó gửi đến khách hàng và đại lý trên toàn thế giới. Hệ thống này hoạt động 24 giờ một ngày quanh năm.

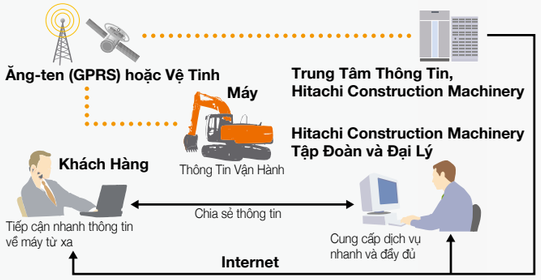

Lưu ý: Ở Một Số Khu Vực, Dịch Vụ Điện Tử Toàn Cầu Không Có Sẵn Theo Quy Định Của Địa Phương.

Các Chức Năng Chính của Dịch Vụ Điện Tử Toàn Cầu

Chức Năng

Dịch Vụ Điện Tử Toàn Cầu cho phép dễ dàng truy cập vào máy tại công trường, truyền thông tin và nhật ký vận hành, bao gồm cả giờ hoạt động hàng ngày, mức nhiên liệu, nhiệt độ, áp suất và những thứ tương tự thế.

Bảo Dưỡng

Dữ liệu và nhật ký bảo dưỡng được hiển thị trên màn hình dễ đọc, đưa ra đề xuất bảo dưỡng để quản lý đội xe hiệu quả.

Phụ Tùng và Bảo Trì

Dịch vụ hỗ trợ khách hàng đầy đủ của Hitachi phục vụ ở mọi khu vực trên toàn cầu để đáp ứng đầy đủ cho khách hàng thông qua các đại lý địa phương của Hitachi.

Phụ Tùng

Mạng Trực Tuyến Toàn Cầu Hitachi, một hệ thống cung cấp các phụ tùng, được liên kết với Trung Tâm Phụ Tùng Nhật Bản, các kho ở nước ngoài và hơn 150 đại lý ở ngoài nước để cung cấp trực tuyến thông tin về các phụ tùng, bao gồm các phụ tùng trong kho, việc tiếp nhận đặt hàng, giao hàng và thời gian giao hàng của hơn một triệu phụ tùng và linh kiện.

Các Phụ Tùng Chính Hãng của Hitachi

Các phụ tùng chính hãng của Hitachi, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt của Hitachi, được đảm bảo theo các tiêu chuẩn bảo hành của Hitachi. Việc sử dụng các phụ tùng chính hãng của Hitachi, bao gồm động cơ, nhiên liệu, dầu thủy lực và bộ lọc, có thể giúp cắt giảm chi phí vận hành và kéo dài tuổi thọ máy.

Các Công Cụ Xúc, San, Lấp Đất, Đá (GET-Ground Engaging Tools)

Hitachi cung cấp một loạt các Công Cụ Phục Vụ Công Tác Đất của Hitachi được phát triển và xây dựng cho nhiều ứng dụng. Sử dụng các công cụ GET chất lượng cao, được bảo trì tốt sẽ giúp quý vị có được lòng tin của khách hàng.

Lưu ý: Một số đại lý không xử lý các công cụ GET của Hitachi.

Cấu Kiện Tái Sản Xuất

Các cấu kiện của Hitachi được tái sản xuất theo tiêu chuẩn tái sản xuất nghiêm ngặt tại bốn nhà máy trên toàn thế giới. Các linh kiện này có chất lượng cao tương đương với những linh kiện mới và được đảm bảo bởi hệ thống bảo hành của Hitachi.

Lưu ý: Một số đại lý không xử lý Cấu Kiện Tái Sản Xuất của Hitachi.

Bảo Dưỡng

Bảo Hành Mở Rộng — HELP

Hệ Thống Bảo Hành Tiêu Chuẩn của Hitachi có sẵn trên tất cả các máy Hitachi mới. Ngoài ra, Hitachi cung cấp Chương Trình Kéo Dài Tuổi Thọ Hitachi (HELP) để phù hợp với mong đợi của khách hàng – bảo vệ máy trong điều kiện vận hành khắc nghiệt, tránh thời gian dừng máy bất ngờ và giảm chi phí sửa chữa.

Lưu ý: Điều kiện bảo hành khác nhau tùy theo thiết bị.

Công Cụ Chẩn Đoán — Bảo Dưỡng Chuyên Nghiệp

Hệ thống điều khiển điện tử cần các giải pháp tại công trường nhanh chóng, ngoài việc sửa chữa cơ khí. Bảo Dưỡng Chuyên Nghiệp của Hitachi có thể chẩn đoán lỗi máy trong một thời gian ngắn bằng cách cắm PC vào máy bị lỗi.

Đào Tạo Kỹ Thuật

Dịch vụ bảo dưỡng tại công trường hoạt động bất chấp địa điểm để giữ cho máy hoạt động tốt nhất và giảm thời gian dừng máy. Trung Tâm Đào Tạo Kỹ Thuật (TTC), đặt tại Nhật Bản, giảng dạy và đào tạo kỹ thuật viên bảo dưỡng và nhân viên hỗ trợ bảo dưỡng đến từ các đại lý và nhà máy của Hitachi trên toàn cầu theo các chương trình đào tạo quốc tế.

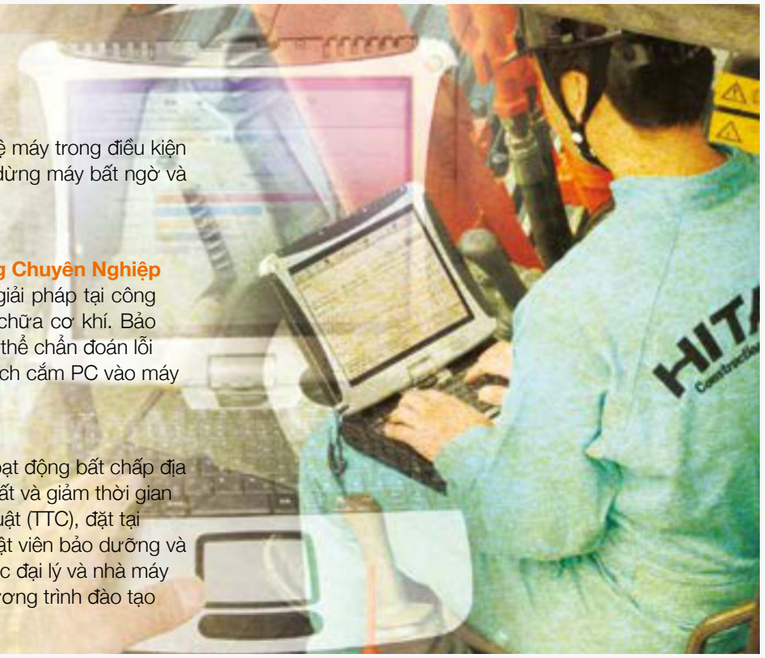

Nhiều Phiên Bản

Các hình ảnh trên thể hiện hình ảnh máy tại nơi làm việc, bao gồm các máy không phải là dòng ZAXIS 330.

Phiên Bản Hạng Nặng: Dòng H

ZAXIS 350H

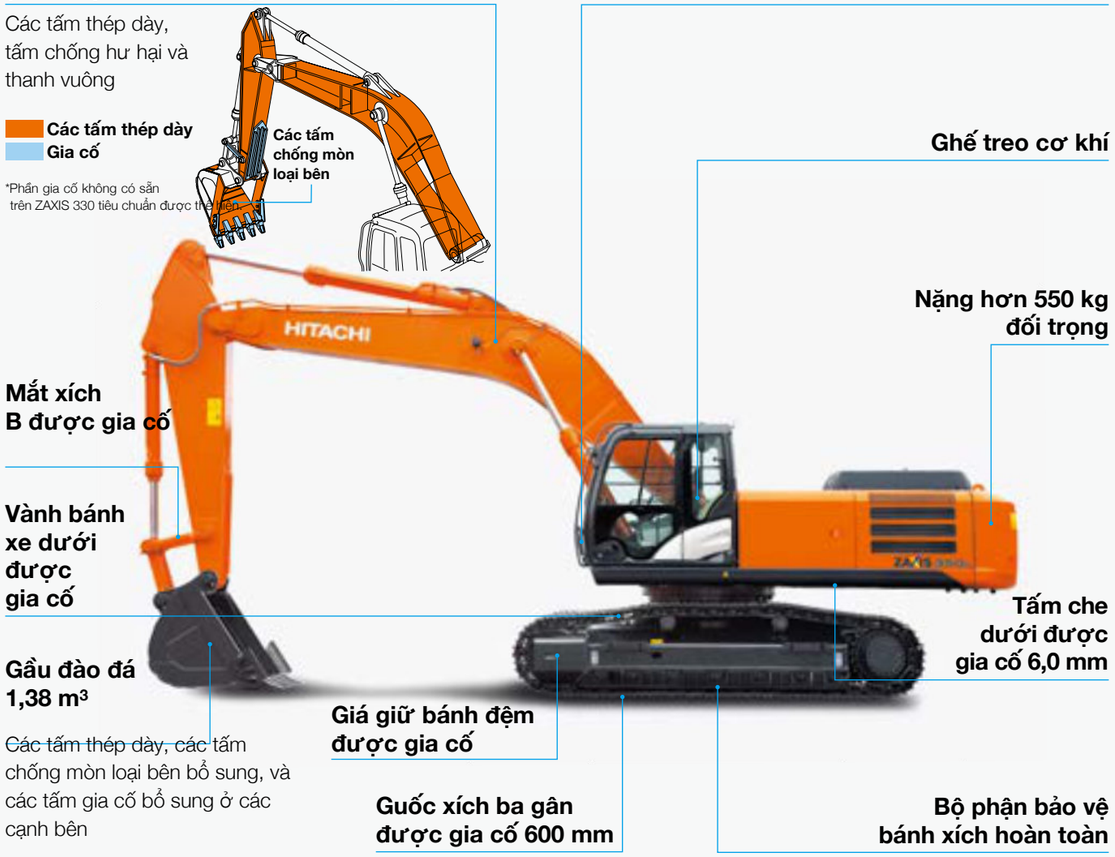

Phiên Bản Phá Dỡ: Dòng K

ZAXIS 350K

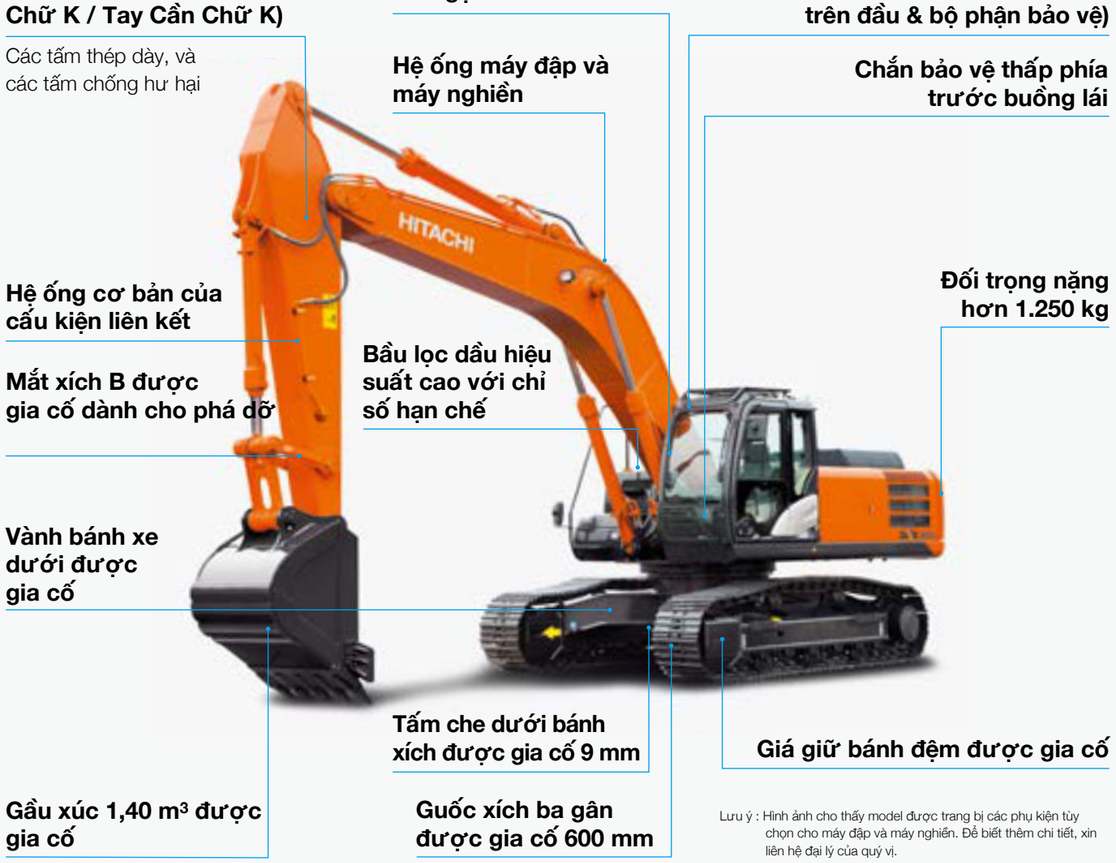

Lưu ý : Hình ảnh cho thấy model được trang bị các phụ kiện tùy chọn cho máy đập và máy nghiền. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ đại lý của quý vị.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

ĐỘNG CƠ

Model ..... Isuzu AA-6HK1X
Loại ..... Làm mát bằng nước 4 thì, phun trực tiếp
Nạp khí ..... Tăng áp, hệ thống làm mát
Số xi lanh ..... 6 Công suất định mức
ISO 9249, thực tế ..... 184 kW (246 HP) ở 2.000 phút^{-1} (vòng/phút) SAE
J1349, thực tế ..... 184 kW (246 HP) ở 2.000 phút^{-1} (vòng/phút) Mô men
xoắn cực đại ..... 873 Nm (89,0 kgfm) ở 1.700 phút^{-1} (vòng/phút)
Hành trình của pít-tông .... 7,790 L
Đường kính và
hành trình piston ..... 115 mm x 125 mm
Ắc quy ..... 2 x 12 V / 128 Ah

HỆ THỐNG THỦY LỰC

Bơm Thủy Lực

Bơm chính ..... 2 bơm pít-tông hướng trục có lưu lượng thay đổi
Lưu lượng dầu tối đa .. 2 x 279 L/phút
Bơm phụ ..... 1 bơm bánh răng
Lưu lượng dầu tối đa .. 32,8 L/phút

Động Cơ Thủy Lực

Di chuyển động ..... 1 động cơ pít-tông dọc trục có 2 hành trình thay đổi
Quay toa ..... 1 động cơ pít-tông dọc trục

Cài Đặt Van Giảm Áp

Mạch thiết bị công tác ..... 34,3 MPa (350 kgf/cm²)
Mạch quay toa..... 32,4 MPa (330 kgf/cm²)
Mạch di chuyển ..... 34,8 MPa (355 kgf/cm²)
Mạch điều khiển ..... 3,9 MPa (40 kgf/cm²)
Tăng cường công suất .... 38,0 MPa (388 kgf/cm²)

Xi Lanh Thủy Lực

	Số Lượng	Đường kính lòng	Đường kính cần
Cần Trục	2	145 mm	100 mm
Tay Cần	1	170 mm	115 mm
Gầu xúc	1	140 mm	95 mm

KẾT CẤU PHẦN THÂN TRÊN

Khung Quay

Phần thân dưới khung chữ D để chống biến dạng.

Hệ thống quay toa

Mô tơ pít tông đĩa nghiêng với bánh răng giảm tốc hành tinh được ngập trong dầu.
Vòng tròn xoay là một hàng. Phanh đỗ xoay là loại đĩa bộ lò xo/nhả thủy lực.

Tốc độ quay toa ..... 10,7 phút^{-1} (vòng/phút)
Mô men xoắn
quay toa ..... 120 kNm (12.200 kgfm)

Buồng Lái của Người Vận Hành

Buồng lái rộng rãi độc lập, rộng 1.005 mm, cao 1.675 mm, tuân thủ tiêu chuẩn ISO*.
* Tổ Chức Tiêu Chuẩn Hóa Quốc Tế

GẦM XE

Xích

Chốt kết nối xử lý nhiệt với phớt chắn bụi bẩn. Bộ tăng xích thủy lực
(chất bôi trơn) với lò xo giảm chấn.

Số Lượng Bánh Lăn và Guốc Xích Mỗi Bên

Bánh lăn trên ga lê đỡ..... 2
Bánh lăn dưới ga lê tì ..... 7 : ZX330-5G/ZX350H-5G/ZX350K-5G
8 : ZX330LC-5G/ZX350LCH-5G/ZX350LCK-5G
Guốc xích ..... 45 : ZX330-5G/ZX350H-5G/ZX350K-5G
48 : ZX330LC-5G/ZX350LCH-5G/ZX350LCK-5G
Bộ phận bảo vệ bánh xích 3 : ZX330-5G/ZX330LC-5G/ZX350K-5G/ ZX350LCK-5G
Bộ phận bảo vệ bánh xích hoàn toàn :ZX350H-5G/
ZX350LCH-5G

Hệ Thống Di Chuyển

Mỗi bánh xích được điều khiển bởi mô tơ pít-tông dọc trục 2 tốc độ.
Phanh dừng là loại phanh đĩa bộ lò xo/nhả thủy lực.
Hệ thống truyền động tự động: Cao-Thấp

Tốc độ di chuyển ..... Cao : 0 đến 4,9 km/giờ
Thấp : 0 đến 3,1 km/giờ

Lực kéo tối đa ..... 298 kN (30.400 kgf)

Khả năng leo dốc ..... 70% (35 độ) liên tục

DUNG TÍCH HỆ THỐNG

Bình nhiên liệu ..... 630,0 L
Nước làm mát ..... 35,0 L
Dầu động cơ ..... 41,0 L
Truyền động quay toa ..... 15,7 L
Hệ thống di chuyển ..... 9,2 L
Hệ thống thủy lực ..... 340,0 L
Bình dầu thủy lực ..... 180,0 L

TRỌNG LƯỢNG VÀ ÁP LỰC LÊN MẶT ĐẤT

Trọng lượng vận hành và Áp lực lên mặt đất

			ZX330-5G*1		ZX330LC-5G*1	
Loại guốc xích	Chiều rộng guốc xích	Chiều dài tay cần	kg	kPa(kgf/cm²)	kg	kPa(kgf/cm²)
Loại ba gân	600 mm	2,67 m	31.300	63 (0,64)	31.900	61 (0,62)
		3,20 m	31.500	64 (0,65)	32.100	60 (0,61)
		4,00 m	31.600	64 (0,65)	32.200	62 (0,63)
	700 mm	2,67 m	31.900	55 (0,56)	32.500	53 (0,54)
		3,20 m	32.000	55 (0,56)	32.700	53 (0,54)
		4,00 m	32.100	56 (0,57)	32.800	54 (0,55)
	800 mm	2,67 m	32.200	49 (0,50)	32.900	47 (0,48)
		3,20 m	32.400	49 (0,50)	33.100	46 (0,47)
		4,00 m	32.500	49 (0,50)	33.200	48 (0,49)
Loại ba gân được gia cố	600 mm	2,67 m	31.500	64 (0,65)	32.100	62 (0,63)
		3,20 m	31.700	64 (0,65)	32.300	61 (0,62)
		4,00 m	31.800	64 (0,65)	32.400	62 (0,63)
Phẳng	600 mm	2,67 m	32.200	65 (0,66)	32.800	63 (0,64)
		3,20 m	32.300	65 (0,66)	33.000	64 (0,65)
		4,00 m	32.400	66 (0,67)	33.100	64 (0,65)

			ZX350H-5G*2		ZX350LCH-5G*2		ZX350K-5G*3		ZX350LCK-5G*3	
Loại guốc xích	Chiều rộng guốc xích	Chiều dài tay cần	kg	kPa(kgf/cm²)	kg	kPa(kgf/cm²)	kg	kPa(kgf/cm²)	kg	kPa(kgf/cm²)
Loại ba gân được gia cố	600 mm	3,20 m	33.500	68 (0,69)	34.100	64 (0,65)	34.100	69 (0,70)	34.700	65 (0,66)

*1 :Bao gồm gầu xúc 1,40 m³ (Dung tích đầy gầu theo tiêu chuẩn ISO) trọng lượng (1.170 kg) và đối trọng (6.350kg). *2
:Bao gồm gầu xúc chữ H 1,38 m³ (Dung tích đầy gầu theo tiêu chuẩn ISO) trọng lượng (1.340 kg) và đối trọng (6.900kg). *3
:Bao gồm gầu xúc gia cố 1,40 m³ (Dung tích đầy gầu theo tiêu chuẩn ISO) trọng lượng (1.380 kg) và đối trọng (7.600kg).

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

TRỌNG LƯỢNG: MÁY CƠ BẢN và CẤU KIỆN

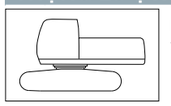

Không tính cấu kiện liên kết đầu cuối, nhiên liệu, dầu thủy lực, chất làm mát, v.v. nhưng tính đối trọng.

ZX330-5G

h	g	ể
600 mm	23.900 kg	3.190 mm
700 mm	24.500 kg	3.290 mm
800 mm	24.800 kg	3.390 mm

ZX330LC-5G

600 mm	24.500 kg	3.190 mm
700 mm	25.100 kg	3.290 mm
800 mm	25.500 kg	3.390 mm

ZX350H-5G

h	g	ể
600 mm	25.300 kg	3.190 mm

ZX350LCH-5G

600 mm	25.900 kg	3.190 mm

ZX350K-5G

h	g	ể
600 mm	26.000 kg	3.190 mm

ZX350LCK-5G

600 mm	26.600 kg	3.190 mm

Trọng lượng cấu kiện

	- / ZX330LC-5G	5G / 5G	- G / - G
Đối trọng	6.350 kg	6.900 kg	7.600 kg
Cần trục (với xi lanh cần trục và tay cần)	3.630 kg	3.870 kg	3.800 kg
Tay cần 3,20 m (với xi lanh gầu xúc)	1.800 kg	2.020 kg	1.950 kg
Tay cần 2,67 m (với xi lanh gầu xúc)	1.640 kg	–	–
Tay cần 4,00 m (với xi lanh gầu xúc)	1.900 kg	–	–
Gầu xúc 1,40 m³	1.170 kg	–	1.380 kg
Gầu xúc 1,38 m³	–	1.340 kg	1.380 kg

LỰC ĐÀO CỦA GẦU VÀ TAY CẦN

Chiều dài tay cần	2,67 m	3,20 m	4,00 m
Lực đào của gầu xúc * ISO	246 kN (25.100 kgf)	246 kN (25.100 kgf)	246 kN (25.100 kgf)
Lực đào của gầu xúc * SAE : PCSA	214 kN (21.800 kgf)	214 kN (21.800 kgf)	214 kN (21.800 kgf)
Lực đào của tay cần * ISO	222 kN (22.600 kgf)	185 kN (18.900 kgf)	158 kN (16.200 kgf)
Lực đào của tay cần * SAE : PCSA	213 kN (21.700 kgf)	177 kN (18.100 kgf)	154 kN (15.700 kgf)

* Khi tăng cường công suất

CẤU KIỆN LIÊN KẾT MÁY ĐÀO

Cần trục và tay cần có thiết kế phần hộp, được hàn chặt. Có sẵn cần trục 6,40 m, và tay cần 2,67 m, 3,20 m và 4,00 m.
Gầu xúc có kết cấu thép được hàn chặt. Cơ chế điều chỉnh khoảng hở bên được cung cấp trên giá giữ khớp gầu xúc.

Gầu Xúc

Dung Tích	Chiều Rộng		Số răng	Trọng lượng	Đề Xuất									
					ZX330-5G			ZX330LC-5G			ZX350H-5G ZX350LCH-5G		ZX350K-5G ZX350LCK-5G	
Dung tích đầy gầu theo tiêu chuẩn ISO	Không có máy cắt bên	Có máy cắt bên			Tay cần 2,67 m	Tay cần 3,20 m	Tay cần 4,00 m	Tay cần 2,67 m	Tay cần 3,20 m	Tay cần 4,00 m	Tay cần chữ H 3,20 m		Tay cần chữ K 3,20 m	
1,15 m³	1.100 mm	1.230 mm	5	1.060 kg	◎	◎	◎	◎	◎	◎	–	–	◎	◎
1,40 m³	1.280 mm	1.410 mm	5	1.150 kg	◎	◎	○	◎	◎	◎	–	–	◎	◎
1,62 m³	1.460 mm	1.590 mm	5	1.240 kg	○	○	–	○	○	□	–	–	○	○
1,86 m³	1.640 mm	–	5	1.200 kg	□	–	–	□	–	–	–	–	–	–
*1 1,40 m³	1.280 mm	1.410 mm	5	1.110 kg	◎	◎	○	◎	◎	◎	–	–	◎	◎
*2 1,40 m³	1.280 mm	1.410 mm	5	1.130 kg	◎	◎	○	◎	◎	◎	–	–	◎	◎
*3 1,40 m³	1.280 mm	1.410 mm	5	1.360 kg	◎	◎	○	◎	◎	◎	◎	◎	◎	◎
*1,3 1,40 m³	1.280 mm	1.410 mm	5	1.320 kg	◎	◎	○	◎	◎	◎	◎	◎	◎	◎
*3 1,62 m³	1.460 mm	1.590 mm	5	1.480 kg	○	○	–	○	○	□	○	○	–	–
*4 1,15 m³	–	1.200 mm	5	1.240 kg	●	●	–	●	●	–	●	●	–	–
*1,4 1,38 m³	–	1.360mm	5	1.330 kg	◎	◎	–	◎	◎	–	●	●	–	–
*2,4 1,38 m³	–	1.360mm	5	1.350 kg	◎	◎	–	◎	◎	–	●	●	–	–
*1,4 1,50 m³	–	1.470mm	5	1.400 kg	○	○	–	○	○	–	◎	●	–	–
*2,4 1,50 m³	–	1.470mm	5	1.430 kg	○	○	–	○	○	–	◎	●	–	–
*5 0,90 m³	1.010mm	–	3	1.470 kg	●	●	–	●	●	–	●	●	–	–
Mũi cào một điểm			1	850 kg	●	●	–	●	●	–	●	●	–	–
Gầu ngoạm loại tâm kéo: 0,60 m³ (Dung tích đầy gầu theo tiêu chuẩn CECE), Chiều rộng 940 mm			8	1.130 kg	◎	◎	○	◎	◎	○	◎	◎	◎	◎
Gầu ngoạm loại vỏ đầy: 1,00 m³ (Dung tích đầy gầu theo tiêu chuẩn CECE), Chiều rộng 975 mm			9	1.470 kg	◎	◎	○	◎	◎	○	◎	◎	◎	◎

*1 Gầu xúc loại răng siêu chữ V
*2 Gầu xúc loại chốt san bằng
*3 Gầu xúc được gia cố
*4 Gầu đào đá
*5 Gầu mũi cào

◎ Phù hợp với vật liệu có tỷ trọng 2.000 kg/m³ hoặc thấp hơn
○ Phù hợp với vật liệu có tỷ trọng 1.600 kg/m³ hoặc thấp hơn
□ Phù hợp với vật liệu có tỷ trọng 1.100 kg/m³ hoặc thấp hơn
● Bảo dưỡng hạng nặng
– Không áp dụng

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

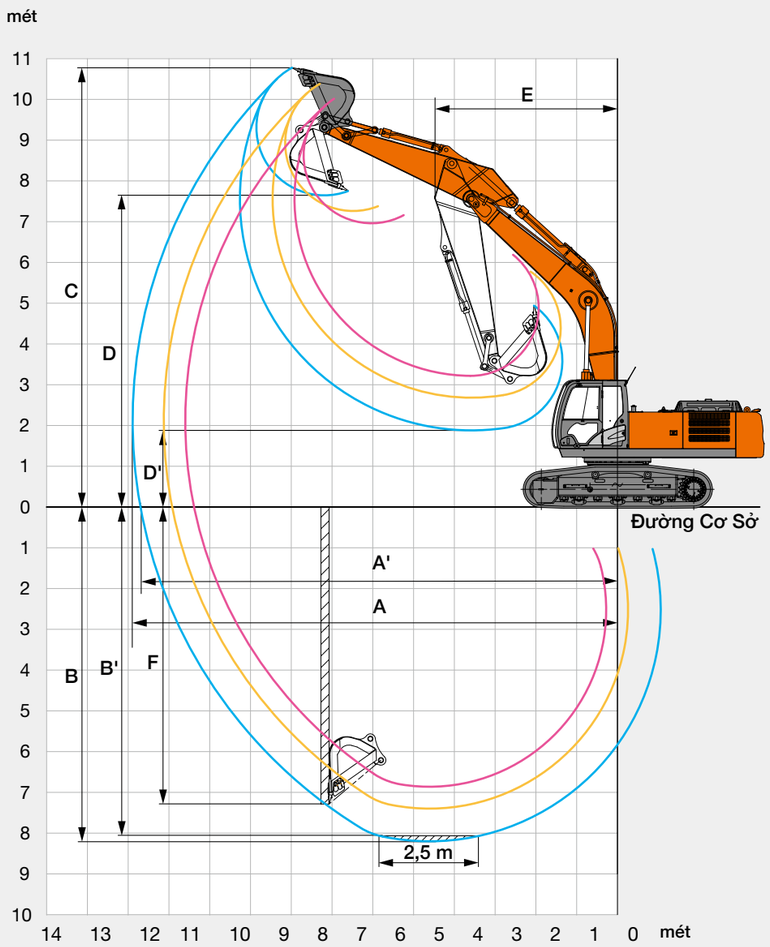

Đơn vị: mm

Chiều dài tay cần	2,67 m	3,20 m	4,00 m
A Tầm với đào tối đa	10.570	11.100	11.860
A' Tầm với đào tối đa (trên mặt đất)	10.360	10.890	11.670
B Độ sâu đào tối đa	6.840	7.380	8.180
B' Độ sâu đào tối đa cho mức 2,5 m	6.640	7.210	8.040
C Chiều cao cắt tối đa	9.990	10.360	10.750
D Chiều cao đổ tối đa	6.940	7.240	7.630
D' Chiều cao đổ tối thiểu	3.210	2.680	1.880
E Bán kính xoay tối thiểu	4.610	4.460	4.470
F Độ sâu đào tường đứng tối đa	5.510	6.420	7.270

Không tính vấu lồi guốc bánh xích

KÍCH THƯỚC

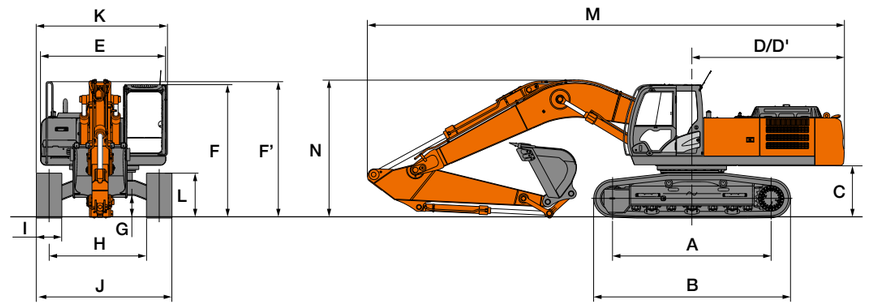

Đơn vị: mm

	ZX330-5G	ZX330LC-5G	ZX350H-5G	ZX350LCH-5G	ZX350K-5G	ZX350LCK-5G
A Chiều dài tiếp đất của xích	3.730	4.050	3.730	4.050	3.730	4.050
B Chiều dài gầm xe	4.640	4.940	4.650	4.950	4.650	4.950
* C Khoảng sáng gầm (đối trọng)	1.160	1.160	1.160	1.160	1.160	1.160
D Bán kính quay toa phần đuôi	3.590	3.590	3.590	3.590	3.590	3.590
D' Chiều dài phần đuôi	3.590	3.590	3.590	3.590	3.590	3.590
E Chiều rộng tổng thể của kết cấu phần thân trên	2.990	2.990	2.990	2.990	2.990	2.990
F Chiều cao tổng thể của buồng lái	3.160	3.160	3.160	3.160	3.160	3.160
F' Chiều cao tổng thể của kết cấu phần thân trên	3.270	3.270	3.270	3.270	3.270	3.270
* G Khoảng hở mặt đất tối thiểu	500	500	500	500	500	500
H Kích cỡ bánh xích	2.590	2.590	2.590	2.590	2.590	2.590
I Chiều rộng guốc xích	G 600	G 600	G 600	G 600	G 600	G 600
J Chiều rộng gầm xe	3.190	3.190	3.190	3.190	3.190	3.190
K Chiều rộng tổng thể	3.190	3.190	3.190	3.190	3.190	3.190
* L Chiều cao bánh xích với guốc xích ba gân	1.060	1.060	1.070	1.070	1.070	1.070
M Chiều dài tổng thể						
Với tay cần 2,67 m	11.350	11.350	–	–	–	–
Với tay cần 3,20 m	11.220	11.220	11.220	11.220	11.220	11.220
Với tay cần 4,00 m	11.310	11.310	–	–	–	–
N Chiều cao tổng thể của cần trục						
Với tay cần 2,67 m	3.470	3.470	–	–	–	–
Với tay cần 3,20 m	3.270	3.270	3.270	3.270	3.290	3.290
Với tay cần 4,00 m	3.600	3.600	–	–	–	–

* Không tính vấu lồi guốc bánh xích G: Guốc xích ba gân

SỨC NÂNG (Không Có Gầu Xúc)

Lưu ý: 1. Hiệu suất dựa trên ISO 10567.
2. Sức nâng không vượt quá 75% tải trọng lật khi máy ở trên mặt đất bằng phẳng, chắc chắn hoặc 87% công suất thủy lực hoàn toàn.
3. Điểm tải là đường trung tâm của trục gầu xúc gắn với chốt trên tay cần.
4. *Thể hiện tải giới hạn bằng công suất thủy lực.
5. 0 m = Mặt đất.

Đối với sức nâng, trừ trọng lượng của gầu xúc và khớp nối nhanh từ sức nâng mà không có gầu xúc.

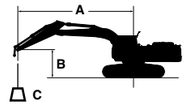

A: Bán kính tải
B: Chiều cao điểm chịu tải
C: Khả năng nâng

ZX330-5G

Hiệu suất mặt trước | Hiệu suất mặt bên hoặc 360 độ | Đơn vị : kg

Điều kiện	Chiều cao điểm chịu tải m	Bán kính tải m												Ở tầm với tối đa		
		1,5		3,0		4,5		6,0		7,5		9,0				
																mét
Cần trục 6,40 m Tay cần 2,67 m Đối trọng 6.350 kg Guốc xích 600 mm	6,0							*10.480	9.100	8.880	6.350			7.950	5.670	8,00
	4,5					*15.100	13.330	*11.840	8.640	8.680	6.160			6.980	4.950	8,58
	3,0					18.570	12.120	11.770	8.120	8.400	5.910			6.510	4.580	8,87
	1,5							11.300	7.700	8.150	5.670			6.370	4.460	8,89
	0 (Mặt đất)					17.500	11.210	11.040	7.460	7.990	5.530			6.550	4.570	8,65
	-1,5			*13.900	*13.900	17.540	11.240	10.980	7.400	7.960	5.490			7.140	4.970	8,13
	-3,0			*22.630	*22.630	*17.540	11.430	11.090	7.510					8.470	5.860	7,26
	-4,5			*17.270	*17.270	*13.660	11.850							*10.150	8.080	5,88
Cần trục 6,40 m Tay cần 3,20 m Đối trọng 6.350 kg Guốc xích 600 mm	6,0									8.990	6.440			*6.310	5.090	8,58
	4,5							*11.070	8.790	8.760	6.230	6.510	4.620	*6.330	4.500	9,13
	3,0					*17.360	12.490	11.930	8.250	8.460	5.950	6.390	4.500	5.960	4.200	9,40
	1,5					17.970	11.600	11.400	7.770	8.180	5.690	6.250	4.370	5.840	4.090	9,42
	0 (Mặt đất)					17.530	11.230	11.060	7.470	7.980	5.510	6.160	4.290	5.980	4.170	9,19
	-1,5			*13.330	*13.330	17.460	11.160	10.930	7.350	7.890	5.430			6.440	4.470	8,70
	-3,0	*15.640	*15.640	*21.080	*21.080	17.600	11.290	10.980	7.400	7.950	5.490			7.430	5.150	7,90
	-4,5			*20.310	*20.310	*15.390	11.610	11.250	7.640					9.690	6.670	6,66
Cần trục 6,40 m Tay cần 4,00 m Đối trọng 6.350 kg Guốc xích 600 mm	7,5													*5.030	*5.030	8,63
	6,0									*8.040	6.580	6.700	4.790	*4.880	4.390	9,42
	4,5									*8.810	6.340	6.590	4.690	*4.890	3.940	9,92
	3,0					*15.280	13.000	*11.640	8.440	8.550	6.030	6.420	4.530	*5.030	3.690	10,17
	1,5					18.330	11.890	11.530	7.880	8.220	5.720	6.240	4.360	5.160	3.590	10,19
	0 (Mặt đất)			*8.070	*8.070	17.590	11.250	11.080	7.480	7.950	5.480	6.100	4.220	5.250	3.630	9,98
	-1,5	*8.120	*8.120	*12.230	*12.230	17.300	11.020	10.840	7.260	7.800	5.330	6.020	4.150	5.570	3.850	9,53
	-3,0	*12.720	*12.720	*17.660	*17.660	17.320	11.030	10.790	7.220	7.770	5.310			6.250	4.320	8,80
	-4,5	*18.220	*18.220	*24.010	22.720	*17.280	11.250	10.940	7.350	7.920	5.450			7.650	5.270	7,71
	-6,0			*17.400	*17.400	*12.900	11.720	*9.060	7.750					*8.880	7.650	6,06

ZX330LC-5G

Hiệu suất mặt trước | Hiệu suất mặt bên hoặc 360 độ | Đơn vị : kg

Điều kiện	Chiều cao điểm chịu tải m	Bán kính tải m												Ở tầm với tối đa		
		1,5		3,0		4,5		6,0		7,5		9,0				
																mét
Cần trục 6,40 m Tay cần 2,67 m Đối trọng 6.350 kg Guốc xích 600 mm	6,0							*10.480	9.230	*9.740	6.450			8.970	5.770	8,00
	4,5					*15.100	13.530	*11.840	8.780	9.810	6.260			7.890	5.040	8,58
	3,0					*18.620	12.320	*13.440	8.260	9.530	6.010			7.360	4.670	8,87
	1,5							12.980	7.830	9.280	5.780			7.220	4.550	8,89
	0 (Mặt đất)					*20.300	11.420	12.710	7.600	9.110	5.630			7.440	4.660	8,65
	-1,5			*13.900	*13.900	*19.630	11.450	12.640	7.540	9.070	5.600			8.120	5.060	8,13
	-3,0			*22.630	*22.630	*17.540	11.640	12.760	7.650					9.650	5.970	7,26
	-4,5			*17.270	*17.270	*13.660	12.050							*10.150	8.230	5,88
Cần trục 6,40 m Tay cần 3,20 m Đối trọng 6.350 kg Guốc xích 600 mm	6,0									*9.060	6.550			*6.310	5.180	8,58
	4,5							*11.070	8.930	*9.720	6.330	7.350	4.700	*6.330	4.590	9,13
	3,0					*17.360	12.690	*12.790	8.390	9.590	6.060	7.230	4.590	*6.560	4.280	9,40
	1,5					*19.930	11.810	13.080	7.910	9.310	5.800	7.090	4.460	6.630	4.170	9,42
	0 (Mặt đất)					20.640	11.430	12.730	7.610	9.100	5.610	6.990	4.370	6.790	4.250	9,19
	-1,5			*13.330	*13.330	*20.180	11.370	12.590	7.490	9.010	5.530			7.320	4.560	8,70
	-3,0	*15.640	*15.640	*21.080	*21.080	*18.540	11.490	12.640	7.540	9.070	5.590			8.460	5.250	7,90
	-4,5			*20.310	*20.310	*15.390	11.820	*11.600	7.780					*9.870	6.790	6,66
Cần trục 6,40 m Tay cần 4,00 m Đối trọng 6.350 kg Guốc xích 600 mm	7,5													*5.030	*5.030	8,63
	6,0									*8.040	6.690	*6.820	4.880	*4.880	4.470	9,42
	4,5									*8.810	6.440	7.440	4.770	*4.890	4.010	9,92
	3,0					*15.280	13.210	*11.640	8.580	9.690	6.130	7.270	4.610	*5.030	3.760	10,17
	1,5					*18.520	12.090	13.220	8.020	9.350	5.830	7.080	4.440	*5.320	3.660	10,19
	0 (Mặt đất)			*8.070	*8.070	*20.230	11.460	12.750	7.620	9.080	5.580	6.930	4.310	*5.810	3.710	9,98
	-1,5	*8.120	*8.120	*12.230	*12.230	20.400	11.220	12.510	7.400	8.910	5.440	6.860	4.240	6.340	3.930	9,53
	-3,0	*12.720	*12.720	*17.660	*17.660	*19.530	11.240	12.460	7.360	8.890	5.410			7.120	4.400	8,80
	-4,5	*18.220	*18.220	*24.010	23.110	*17.280	11.450	12.600	7.490	9.050	5.550			8.720	5.380	7,71
	-6,0			*17.400	*17.400	*12.900	11.920	*9.060	7.890					*8.880	7.790	6,06

ZX350H-5G

Hiệu suất mặt trước | Hiệu suất mặt bên hoặc 360 độ | Đơn vị : kg

Điều kiện	Chiều cao điểm chịu tải m	Bán kính tải m												Ở tầm với tối đa		
		1,5		3,0		4,5		6,0		7,5		9,0				
																mét
Cần trục chữ H 6,40 m Tay cần chữ H 3,20 m Đối trọng 6.900 kg Guốc xích 600 mm	6,0									*8.870	6.800			*6.240	5.350	8,58
	4,5							*10.850	9.290	9.230	6.560	6.840	4.850	*6.270	4.730	9,13
	3,0					*17.020	13.170	*12.520	8.690	8.900	6.260	6.700	4.720	6.250	4.400	9,40
	1,5					18.910	12.200	11.990	8.170	8.590	5.980	6.550	4.580	6.120	4.280	9,42
	0 (Mặt đất)					18.430	11.790	11.620	7.840	8.370	5.770	6.450	4.490	6.270	4.360	9,19
	-1,5			*13.270	*13.270	18.350	11.720	11.480	7.710	8.280	5.690			6.750	4.680	8,70
	-3,0	*15.580	*15.580	*21.030	*21.030	*18.120	11.870	11.530	7.760	8.350	5.750			7.800	5.400	7,90
	-4,5			*19.770	*19.770	*14.990	12.220	*11.280	8.030					*9.590	7.010	6,66

ZX350LCH-5G

Hiệu suất mặt trước | Hiệu suất mặt bên hoặc 360 độ | Đơn vị : kg

Điều kiện	Chiều cao điểm chịu tải m	Bán kính tải m												Ở tầm với tối đa		
		1,5		3,0		4,5		6,0		7,5		9,0				
																mét
Cần trục chữ H 6,40 m Tay cần chữ H 3,20 m Đối trọng 6.900 kg Guốc xích 600 mm	6,0									*8.870	6.910			*6.240	5.450	8,58
	4,5							*10.850	9.440	*9.510	6.680	*7.420	4.940	*6.270	4.820	9,13
	3,0					*17.020	13.400	*12.520	8.850	10.110	6.380	7.600	4.810	*6.500	4.490	9,40
	1,5					*19.520	12.430	13.780	8.330	9.790	6.090	7.450	4.670	*6.940	4.370	9,42
	0 (Mặt đất)					*20.270	12.020	13.400	8.000	9.570	5.890	7.350	4.580	7.130	4.450	9,19
	-1,5			*13.270	*13.270	*19.740	11.950	13.250	7.870	9.470	5.800			7.690	4.780	8,70
	-3,0	*15.580	*15.580	*21.030	*21.030	*18.120	12.100	13.310	7.920	9.540	5.870			8.890	5.510	7,90
	-4,5			*19.770	*19.770	*14.990	12.450	*11.280	8.180					*9.590	7.150	6,66

ZX350K-5G

Hiệu suất mặt trước | Hiệu suất mặt bên hoặc 360 độ | Đơn vị : kg

Điều kiện	Chiều cao điểm chịu tải m	Bán kính tải m												Ở tầm với tối đa		
		1,5		3,0		4,5		6,0		7,5		9,0				
																mét
Cần trục chữ K 6,40 m Tay cần chữ K 3,20 m Đối trọng 7.600 kg Guốc xích 600 mm	6,0									*9.060	7.320			*6.310	5.830	8,58
	4,5							*11.070	9.950	*9.720	7.100	7.350	5.320	*6.330	5.200	9,13
	3,0					*17.360	14.210	*12.790	9.410	9.530	6.830	7.230	5.200	*6.560	4.860	9,40
	1,5					*19.930	13.320	12.860	8.930	9.250	6.570	7.090	5.080	6.640	4.750	9,42
	0 (Mặt đất)					19.820	12.950	12.520	8.630	9.050	6.380	7.000	4.990	6.800	4.850	9,19
	-1,5			*13.330	*13.330	19.740	12.880	12.390	8.510	8.960	6.300			7.320	5.200	8,70
	-3,0	*15.640	*15.640	*21.080	*21.080	*18.540	13.010	12.440	8.560	9.020	6.360			8.430	5.970	7,90
	-4,5			*20.310	*20.310	*15.390	13.330	*11.600	8.800					*9.870	7.690	6,66

ZX350LCK-5G

Hiệu suất mặt trước | Hiệu suất mặt bên hoặc 360 độ | Đơn vị : kg

Điều kiện	Chiều cao điểm chịu tải m	Bán kính tải m												Ở tầm với tối đa		
		1,5		3,0		4,5		6,0		7,5		9,0				
																mét
Cần trục chữ K 6,40 m Tay cần chữ K 3,20 m Đối trọng 7.600 kg Guốc xích 600 mm	6,0									*9.060	7.430			*6.310	5.930	8,58
	4,5							*11.070	10.110	*9.720	7.220	*7.480	5.410	*6.330	5.290	9,13
	3,0					*17.360	14.440	*12.790	9.560	*10.590	6.950	8.160	5.300	*6.560	4.950	9,40
	1,5					*19.930	13.550	*14.270	9.090	10.500	6.690	8.020	5.170	*7.010	4.840	9,42
	0 (Mặt đất)					*20.710	13.180	14.370	8.790	10.290	6.500	7.930	5.080	7.700	4.940	9,19
	-1,5			*13.330	*13.330	*20.180	13.110	14.230	8.670	10.200	6.420			8.290	5.300	8,70
	-3,0	*15.640	*15.640	*21.080	*21.080	*18.540	13.240	*14.140	8.710	10.260	6.480			9.570	6.080	7,90
	-4,5			*20.310	*20.310	*15.390	13.560	*11.600	8.950					*9.870	7.820	6,66

THIẾT BỊ

Thiết bị tiêu chuẩn và tùy chọn có thể khác nhau ở từng quốc gia, vì vậy vui lòng tham khảo với đại lý Hitachi để biết thêm chi tiết.

● : Thiết bị tiêu chuẩn ○ : Thiết bị tùy chọn

	ZX330-5G / ZX330LC-5G	ZX350H-5G / ZX350LCH-5G	ZX350K-5G / ZX350LCK-5G
ĐỘNG CƠ			
Bộ lọc đôi làm sạch không khí	●	●	●
Hệ thống không tải tự động	●	●	●
Bộ lọc dầu động cơ kiểu lõi lọc	●	●	●
Bộ lọc sơ bộ nhiên liệu kiểu lõi lọc	●	●	●
Bộ lọc nhiên liệu chính kiểu lõi lọc	●	●	●
Bộ lọc không khí kiểu khô với van bơm chân không (với chỉ số hạn chế bộ lọc không khí)	●	●	●
Chế độ điều khiển ECO/PWR	●	●	●
Thiết bị làm nóng động cơ	●	●	●
Bộ phận bảo vệ quạt	●	●	●
Thiết bị tách nước	●	●	●
Thiết bị làm sạch sơ bộ	○	○	○
Lưới bên trong chống bụi	●	●	●
Bình phụ cho bộ tản nhiệt	●	●	●
Bộ dao điện 50 A	●	●	●

HỆ THỐNG THỦY LỰC			
Nâng điện tự động	●	●	●
Van điều khiển với van giảm áp chính	●	●	●
Bầu lọc dầu	●	●	●
Bầu lọc dầu lưới cao với chỉ số hạn chế	○	○	●
Bộ lọc phụ	●	●	●
Tăng cường công suất	●	●	●
Bộ lọc hút	●	●	●
Một cổng phụ cho van điều khiển	●	●	●
Bộ chọn chế độ hoạt động	●	●	●

	ZX330-5G / ZX330LC-5G	ZX350H-5G / ZX350LCH-5G	ZX350K-5G / ZX350LCK-5G
BUỒNG LÁI			
Buồng lái thép triệt âm dùng trong mọi thời tiết	●	●	●
Radio AM-FM với 2 loa	●	●	●
Gạt Tàn	●	●	●
Điều hòa không khí điều khiển tự động	●	●	●
Lưu trữ và thiết bị đầu cuối AUX.	○	○	○
Buồng lái (kết cấu trụ trung tâm được gia cố)	●	●	●
Giá treo đồ uống	●	●	●
Giá treo đồ uống nóng & lạnh	●	●	●
Còi điện đôi	●	●	●
Cần gạt tắt động cơ	●	●	●
Búa chân không	●	●	●
Giá giữ bình cứu hỏa	○	○	○
Thảm sàn	●	●	●
Chỗ để chân	●	●	●
Cần gạt lau cửa sổ trước	●	●	●
Có thể mở các cửa sổ trước ở trên, dưới và bên trái	●	●	●
Chắn bảo vệ thấp phía trước buồng lái	○	●	●
Chắn bảo vệ trên phía trước buồng lái	○	○	○
Ngăn đựng găng tay	●	●	●
Thùng nóng & lạnh	●	●	●
Cần gạt kính chắn gió không liên tục	●	●	●
Đèn khóa xi lanh	●	●	●
Buồng lái dòng K. (Buồng lái với cửa sổ trên đầu & bộ phận bảo vệ)	—	—	●
Đèn LED phòng với cửa lịch sự	●	●	●
Buồng lái tuân thủ OPG bảo vệ phần trên Cấp I (ISO10262)	●	●	●
Cần gạt tắt điều khiển phụ	●	●	●
Khay sau	●	●	●
Đai an toàn có thể kéo rút	●	●	●
Ăng-ten radio cao su	●	●	●
Ghế ngồi : Ghế nỉ	●	—	—
Ghế ngồi : Ghế treo cơ khí	○	●	●
Ghế ngồi : Ghế treo khí với thiết bị gia nhiệt	○	○	○
Phần điều chỉnh ghế ngồi : tựa lưng, tựa cánh tay, chiều cao và góc, trượt về phía trước / phía sau	●	●	●
Cần điều khiển cổ tay ngắn	●	●	●
Cần gạt đôi	—	—	●
4 giá treo đàn hồi đầy chất lỏng	●	●	●
Châm lửa 24V	●	●	●

	ZX330-5G / ZX330LC-5G	ZX350H-5G / ZX350LCH-5G	ZX350K-5G / ZX350LCK-5G
HỆ THỐNG MÀN HÌNH			
Chuông báo động: quá nóng, áp lực dầu động cơ, quá tải	●	●	●
Báo động: quá nhiệt, cảnh báo động cơ, áp lực dầu động cơ, bộ dao điện, mức nhiên liệu tối thiểu, giới hạn bộ lọc thủy lực, giới hạn bộ lọc không khí, chế độ hoạt động, quá tải, v.v.	●	●	●
Hiển thị đồng hồ đo: nhiệt độ nước, giờ, giờ, mức nhiên liệu, đồng hồ	●	●	●
Hiển thị khác: chế độ hoạt động, không tải tự động, phát sáng, màn hình chiếu hậu, điều kiện vận hành, v.v.	●	●	●
Lựa chọn 32 ngôn ngữ	●	●	●

ĐÈN			
Các đèn phụ phía trước trên nóc buồng lái	○	○	○
Đèn cần bổ sung với lớp bảo vệ	○	○	○
2 đèn làm việc	●	●	●

KẾT CẤU PHẦN THÂN TRÊN			
Bơm điện nạp nhiên liệu	○	○	○
Phao mức nhiên liệu	●	●	●
Máy đo mức dầu thủy lực	●	●	●
Camera chiếu hậu	○	○	○
Kính chiếu hậu (bên phải & trái)	●	●	●
Phanh đỗ xoay	●	●	●
Hộp dụng cụ	●	●	●
Tấm che dưới	●	—	●
Tấm che dưới được gia cố 6,0 mm	○	●	○
Không gian tiện ích	●	●	●
Đối trọng 6.350 kg	●	—	—
Đối trọng 6.900 kg	—	●	—
Đối trọng 7.600 kg	—	—	●
Pin 2 x 128 Ah	●	●	●

	ZX330-5G ZX330LC-5G	ZX350H-5G ZX350LCH-5G	ZX350K-5G ZX350LCK-5G
GẦM XE			
Bánh sao bắt bu lông	●	●	●
Mắt xích được gia cố với chắn chốt.	●	●	●
Vành bánh xe dưới được gia cố	—	●	●
Giá giữ bánh đệm được gia cố	—	●	●
Tấm che động cơ di chuyển	●	●	●
Phanh đỗ di chuyển	●	●	●
Tấm che dưới bánh xích được gia cố 9,0 mm	○	○	●
Bộ phận bảo vệ bánh xích (mỗi bên) và bộ điều chỉnh bánh xích thủy lực	●	●	●

	ZX330-5G ZX330LC-5G	ZX350H-5G ZX350LCH-5G	ZX350K-5G ZX350LCK-5G
Bánh lăn trên và dưới	●	●	●
3 bộ phận bảo vệ bánh xích	●	—	●
Bộ phận bảo vệ bánh xích hoàn toàn	—	●	—
4 móc cố định	●	●	●
Guốc xích ba gân 600 mm	●	● Được gia cố	● Được gia cố
Bậc bước lên xe được gia cố	—	●	●

BỘ CÔNG TẮC PHÍA TRƯỚC			
Gầu xúc đúc mắt xích A	●	●	●
Hệ thống bôi trơn trung tâm	●	●	●
Phớt chắn bụi ở tất cả các chốt của gầu xúc	●	●	●
Chốt gắn mặt bích	●	●	●
Ống lót ổ trục HN	●	●	●
Tấm đẩy nhựa resin được gia cố	●	●	●
Mắt xích B được gia cố	—	●	● Dành cho phá dỡ
Phun nhiệt WC (tungsten-carbide)	●	●	●
Gầu xúc 1,40 m³ (dung tích đầy gầu theo tiêu chuẩn ISO)	●	—	● Gầu xúc được gia cố
Gầu xúc 1,38 m³ (dung tích đầy gầu theo tiêu chuẩn ISO)	○	● Gầu xúc chữ H	○
Tay cần 3,20 m	●	● Tay cần chữ H	● Tay cần chữ K
Cần trục 6,40 m	●	● Cần trục chữ H	● Cần trục chữ K

THIẾT BỊ TÙY CHỌN			
Hệ thống cơ bản của cấu kiện liên kết	○	○	●
Hệ thống máy đập và máy nghiền	○	○	●
Bầu lọc dầu lưới cao với chỉ số hạn chế	○	○	●
Phụ tùng của máy đập và máy nghiền	○	○	○
2 bơm kết hợp lưu lượng cho hệ ống cơ bản của cấu kiện liên kết	○	○	○
Bộ lọc công suất	○	○	○

CÁC NỘI DUNG KHÁC			
Nắp nạp lại nhiên liệu có thể khóa được	●	●	●
Tấm che máy có thể khóa được	●	●	●
Bộ điều khiển thông tin đào tạo	●	●	●
Băng, tấm và tay vịn chống trượt	●	●	●
Bộ dụng cụ tiêu chuẩn	●	●	●
Dấu hướng di chuyển trên khung bánh xích	●	●	●
Dịch Vụ Điện Tử Toàn Cầu	●	●	●

Được xây dựng trên nền tảng của năng lực công nghệ tuyệt vời, Hitachi Construction Machinery cam kết cung cấp các giải pháp và dịch vụ hàng đầu để góp phần vào việc kinh doanh của khách hàng trên toàn thế giới như một đối tác đáng tin cậy.

Tầm Nhìn Môi Trường Hitachi 2025

Tập Đoàn Hitachi đã cho ra mắt Tầm Nhìn Môi Trường 2025 để hạn chế lượng phát thải carbon dioxide hàng năm. Tập Đoàn cam kết sản xuất toàn cầu, đồng thời giảm thiểu tác động môi trường lên vòng đời của tất cả sản phẩm, và hiện thực hóa một xã hội bền vững bằng cách giải quyết ba mục tiêu — ngăn chặn sự nóng lên toàn cầu, bảo tồn tài nguyên, và bảo tồn hệ sinh thái.

Giảm Thiểu Tác Động Môi Trường Bằng ZAXIS Mới

Hitachi tạo ra một phương pháp thân thiện với môi trường để cắt giảm lượng phát thải khí carbon giúp ngăn chặn sự nóng lên toàn cầu theo như LCA*. ZAXIS mới sử dụng nhiều công nghệ tiên tiến, bao gồm chế độ ECO mới, và Kiểm Soát Đẳng Thời Hitachi từ lâu đã cam kết tái chế các cấu kiện, chẳng hạn như các cấu kiện nhôm trong bộ tản nhiệt và bộ làm mát dầu. Các phụ tùng nhựa được đánh dấu tái chế.

*Đánh Giá Vòng Đời – ISO 14040

Trước khi sử dụng máy với hệ thống liên lạc vệ tinh, vui lòng đảm bảo rằng hệ thống liên lạc vệ tinh tuân thủ theo các quy định, tiêu chuẩn an toàn và yêu cầu pháp lý địa phương. Nếu không, vui lòng sửa đổi cho phù hợp.

Những thông số này có thể thay đổi mà không thông báo.
Những hình minh họa và hình ảnh cho thấy các model tiêu chuẩn, bao gồm hoặc không bao gồm các thiết bị, phụ kiện tùy chọn, và tất cả thiết bị tiêu chuẩn với màu sắc và tính năng khác nhau.
Trước khi sử dụng, vui lòng đọc và hiểu Hướng Dẫn Vận Hành để vận hành đúng cách.

TỔNG ĐẠI LÝ CHÍNH THỨC TẠI VIỆT NAM

VITRAC

CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY VĨNH PHÚ
ĐC: 990 - Xa lộ Hà Nội, Kp. 2, P. Bình Đa
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam
ĐT: (0251) 383 1615 | **MST:** 3600437439
vinhphu@vitrac.vn www.vitrac.vn
www.facebook.com/vitrac.vn

VĂN PHÒNG ĐÀ NẴNG
ĐC: 150, QL14B, Thôn Thạch Nham Đông,
Xã Hòa Nhơn, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng
ĐT: (023) 6364 4794
vinhphudanang@vitrac.vn

VĂN PHÒNG HÀ NỘI
ĐC: Lô 1, Khu Công Nghiệp Quang Minh,
Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội
ĐT: (024) 3556 22 77
vinhphuhanoi@vitrac.vn